Name: ..... Class: 1.....

HƯỚNG DẪN HỌC ONLINE MÔN TIẾNG ANH

Tuần 31 (07/3 - 11/3)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Thứ 2 (07/3)	1. Ôn tập từ vựng chủ đề "Fruits and Vegetables" qua link: YouTube

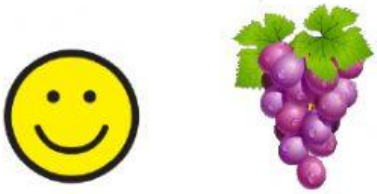
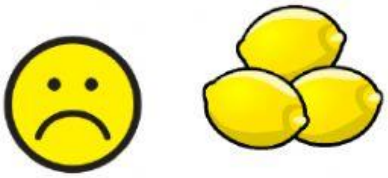
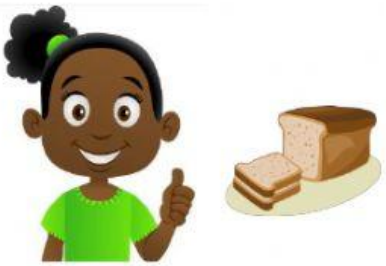
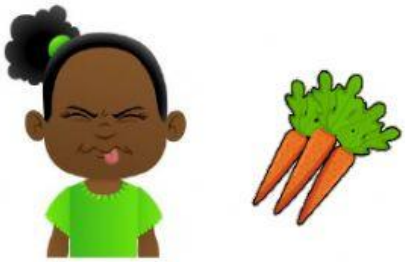
 pineapple	 grapes	 pear	 lemon
 carrot	 onion	 potato	 peas

2. Ôn tập từ vựng chủ đề "Food" qua link: YouTube

 bread	 rice	 beans	 pasta
 limes	 cookies	 yogurt	 soup

LIVEWORKSHEETS

3. Chỉ tay, luyện đọc và ôn tập các mẫu câu:

 1. I **like** grapes.	 2. I **don't like** lemons.
 3. She **likes** bread.	 4. She **doesn't like** carrots.
 5. He **likes** yogurt.	 6. He **doesn't like** cookies.

4. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: Baamboozle

5. Làm phiếu **Worksheet 1** tại folder **Revision for Test** qua link:

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3
(08/3)

1. Ôn tập từ vựng chủ đề "**Toys**" qua link: YouTube

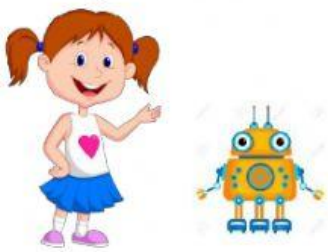
 **teddy bear**	 **car**	 **doll**
 **kite**	 **ball**	 **monster**

2 Ôn tập từ vựng chủ đề "**Toys**" qua link: YouTube

 toy truck	 stuffed animal	 hula-hoop	 scooter
 robot	 action figure	 toy boat	 blocks

LIVEWORKSHEETS

3. Chỉ tay, luyện đọc và ôn tập các mẫu câu:

Tom  1. **Whose** is the car? - It's **Tom's** car.	**May**  2. **Whose** is the robot? - It's **May's** robot.
Kim  3. **Whose** is the scooter? - It's **Kim's** scooter.	**Ben**  4. **Whose** is the action figure? - It's **Ben's** action figure.

4. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: Wordwall

5. Làm phiếu **Worksheet 2** trong folder **Revision for Test** qua link:

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4 (09/3)

1. Ôn tập từ vựng chủ đề "**Playground games**" qua link: YouTube

 win	 lose	 swings	 slide
 monkey bars	 hopscotch	 tag	 take turns

2. Chỉ tay, luyện đọc và ôn tập mẫu câu:

What is your favorite playground game?

My favorite playground game is the **swing**.





3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: QUIZIZZ

4. Làm phiếu **Worksheet 3** trong folder **Revision for Test** qua link:

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5
(10/3)

1. Học từ vựng chủ đề "**Clothes**" qua link bài hát: YouTube

2. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Clothes**" qua link:

YouTube

 shirt	 T-shirt	 skirt	 dress
 jeans	 pants	 shoes	 socks

3. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

 1. What is this? It's **a skirt**.	 2. What are these? They are **shoes**.

4. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: Wordwall

LIVEWORKSHEETS

Thứ 6 (11/3)

1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Clothes**" qua link: YouTube

 shirt	 T-shirt	 skirt	 dress
 jeans	 pants	 shoes	 socks

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

 1. What is this? It's **a T-shirt**.	 2. What are these? They are **pants**.

3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: Wordwall

4. Làm **phiếu bài tập cuối tuần** trong folder **Unit 10** qua link:

LIVEWORKSHEETS

Extra practice

1. Làm bài trong phần **Homework** trên **Pearson English Portal** tại link:

Pearson

2. Luyện viết và học từ mới trong phiếu **"Trace, write and read"**

LIVEWORKSHEETS

Name: .....

Class: 1..... Date: .....

Unit 10 – What clothes do we wear?

TRACE, WRITE AND READ



shirt



T-shirt



skirt



dress



shoes



socks

LIVEWORKSHEETS